



zhī chí zhě

支持者

noun · supporter

Example Sentences

tā de zhī chí zhě lái zì quán guó gè dì
他的支持者来自全国各地。

His supporters come from all over the country.

zhè wèi hòu xuǎn rén de zhī chí zhě yuè lái yuè duō
这位候选人的支持者越来越多。

This candidate's supporters are increasing.

Trace each character, then write the word on your own.

支	支	支	支	支	支	支				
持	持	持	持	持	持	持	持	持	持	持
者	者	者	者	者	者	者	者	者	者	者